

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2021

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc San.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Míp Niê và bà Nguyễn Thị Chinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mậu Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2021/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST - DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST – DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Địa chỉ: Số 35 H, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Biên Th – Phó Giám đốc Phòng giao dịch K, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V ( Quyết định ủy quyền số 1235/BIDV.BDL ngày 21/8/2020, Có mặt).

Địa chỉ: 105 N, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** - Bị đơn: Ông Nguyễn Duy H (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phan Biên Th trình bày:**

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) với ông Nguyễn Duy H đã ký kết 03 Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9371439/HĐTD ngày 13/01/2017 với nội dung: Ngân hàng cho ông Nguyễn Duy H vay số tiền 200.000.000đ ( Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân,

mức lãi trong hạn là 12%/năm. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp.

+ Hợp đồng thứ 2: Hợp đồng tín dụng số 01/2018/9371439/HĐTD ngày 21/5/2018 với nội dung: Ngân hàng cho ông H vay số tiền 103.000.000đ (Một trăm linh ba triệu đồng), thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày giải ngân, mức lãi 9,8%/năm. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp.

+ Hợp đồng thứ 3: Hợp đồng tín dụng số 02/2018/9371439/HĐTD ngày 28/12/2018 với nội dung: Ngân hàng cho ông H vay số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày giải ngân, mức lãi 9,9%/năm. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp.

Tổng số tiền vay theo 03 hợp đồng tín dụng là 533.000.000đ (Năm trăm ba mươi ba triệu đồng). Sau khi các bên ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên thì ngân hàng đã giải ngân số tiền toàn bộ số tiền 533.000.000đ cho ông Hải theo Hợp đồng tín dụng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận QSD đất số CC 368374 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 20/11/2017 mang tên ông Nguyễn Duy H, diện tích đất là 4166,6m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện K, Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận QSD đất số CC 368375 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 14/10/2016 mang tên ông Nguyễn Duy H, diện tích đất là 4.060m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện K, Đắk Lắk.

Việc thế chấp được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9371439/HĐBĐ ngày 12/01/2017 và Hợp đồng thế chấp số 02/2017/9371439/HĐBĐ ngày 04/12/2017, được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình vay tiền ông H chỉ trả được số nợ gốc là 110.000.000đ và nợ lãi là 45.024.733đ, cụ thể:

+ Khoản vay tại hợp đồng thứ nhất: Ông H trả được 110.000.000đ tiền nợ gốc và 39.935.600đ tiền lãi. Số tiền ông H còn nợ tính đến ngày xét xử là: Nợ gốc 90.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 27.490.000đ, lãi quá hạn là 12.245.000đ, lãi của lãi là 2.000.000đ.

+ Khoản vay tại hợp đồng thứ hai: Ông H trả được 5.089.133đ tiền lãi. Số tiền ông H còn nợ tính đến ngày xét xử là: Nợ gốc 103.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 23.810.778đ, lãi quá hạn là 9.803.625đ, lãi của lãi là 5.094.854đ.

+ Khoản vay tại hợp đồng thứ ba: Ông H chưa trả cả gốc và lãi. Số tiền ông H còn nợ tính đến ngày xét xử là: Nợ gốc 230.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 51.404.055đ, lãi quá hạn là 22.894.767đ, lãi của lãi là 9.929.010đ.

Tổng cộng số tiền mà ông H còn nợ tính đến ngày xét xử là 587.672.089đ, bao gồm: Nợ gốc: 423.000.000đ, lãi trong hạn là 102.704.833đ, lãi quá hạn là 44.943.392đ, lãi chậm trả của lãi là 17.023.864đ.

Do ông Nguyễn Duy H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Vì vậy ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Duy H trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử (Ngày 12/4/2021) là 587.672.089đ, bao gồm: Nợ gốc: 423.000.000 đồng; tiền nợ lãi (Lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi của lãi) là 164.672.089đ. Đồng thời, phải chịu lãi

suất phát sinh theo theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/4/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp, ông Nguyễn Duy H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

**Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[ 1 ]. Về thủ tục tố tụng:**

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Duy H nhiều lần để làm việc và hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V với ông Nguyễn Duy H đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng ông H không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa ngân hàng và ông H là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

#### **[ 2 ]. Về nội dung tranh chấp:**

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt thông báo thụ lý cũng như kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên ông H đều không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các thông báo của Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về số tiền vay: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập đã có cơ sở xác định: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K đã ký kết với ông Nguyễn Duy H 03 Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9371439/HĐTD ngày 13/01/2017; Hợp đồng tín dụng số 01/2018/9371439/HĐTD ngày 21/5/2018 và Hợp đồng tín dụng số 02/2018/9371439/HĐTD ngày 28/12/2018. Tổng số tiền vay theo 03 Hợp đồng trên là 533.000.000đ.

+ Về số tiền đã trả: Kể từ thời điểm vay cho đến nay ông Nguyễn Duy H mới trả cho ngân hàng được số nợ gốc là 110.000.000đ và nợ lãi là 45.024.733đ.

Theo thời hạn trả nợ mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng thì tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện tại Tòa án các khoản vay của ông H đối với ngân hàng đều đã quá hạn trả nợ. Tuy nhiên cho đến nay ông H vẫn chưa trả xong nợ cho ngân hàng và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán số nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

[ 3 ]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đầu tư và phát triển V, buộc ông Nguyễn Duy H phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền là 587.672.089đ, bao gồm: Nợ gốc: 423.000.000 đồng; tiền nợ lãi (Lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi của lãi) là 164.672.089đ.

Ông Nguyễn Duy H phải chịu lãi suất tiếp theo theo mức lãi suất quá hạn tại 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 13/4/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông H đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9371439/HĐBĐ ngày 12/01/2017 và Hợp đồng thế chấp số 02/2017/9371439/HĐBĐ ngày 04/12/2017 . Như vậy khoản vay của ông H tại ngân hàng có tài sản bảo đảm. Vì vậy nếu ông H không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông H đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ.

[ 4 ]. Về án phí: Ông Nguyễn Duy H là người có lỗi trong hợp đồng vay tài sản và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, mức án phí phải chịu là: 20.000.000đ + 4%( 587.672.089đ - 400.000.000đ) = 27.506.883đ.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

1. Buộc ông Nguyễn Duy H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V tổng số tiền 587.672.089đ (Năm trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn không trăm tám mươi chín đồng), bao gồm: Nợ gốc: 423.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 164.672.089đ ( Cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9371439/HĐTD: Nợ gốc 90.000.000đ, nợ lãi 41.735.000đ; Hợp đồng tín dụng số 01/2018/9371439/HĐTD: Nợ gốc 103.000.000đ, nợ lãi 38.709.257đ; Hợp đồng tín dụng số 02/2018/9371439/HĐTD: Nợ gốc 230.000.000đ, nợ lãi

84.227.832đ).

Kể từ ngày 13/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Duy H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/9371439/HĐTD ngày 13/01/2017; Hợp đồng tín dụng số 01/2018/9371439/HĐTD ngày 21/5/2018 và Hợp đồng tín dụng số 02/2018/9371439/HĐTD ngày 28/12/2018

Sau khi ông H trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có nghĩa vụ trả lại cho ông H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 368374 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 20/11/2017 và giấy chứng nhận QSD đất số CC 368375 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 14/10/2016, mang tên ông Nguyễn Duy H.

Trường hợp ông H không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông H đã thế chấp cho ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9371439/HĐBĐ ngày 12/01/2017 và Hợp đồng thế chấp số 02/2017/9371439/HĐBĐ ngày 04/12/2017, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy H phải nộp 27.506.883đ ( Hai mươi bảy triệu năm trăm linh sáu ngàn tám trăm tám mươi ba đồng ) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V số tiền 12.617.000đ ( Mười hai triệu sáu trăm mười bảy ngàn đồng ) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA2019/0014957 ngày 02/10/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký )**

**BÙI NGỌC SAN**